BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Số: 1196 /QĐ-ĐHNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành,** mã số: **7810103**.

Điều 2. Giao Khoa Du lịch quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

Điều 4. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-ĐHNT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	**Khoa Du lịch**
b) Tên chương trình	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
c) Ngành đào tạo	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
d) Mã số ngành đào tạo	**7810103**
e) Trình độ đào tạo	**Đại học**
f) Hình thức đào tạo	**Chính quy**
g) Thời gian đào tạo	**4 năm**
h) Ngôn ngữ đào tạo	**Tiếng Việt**
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	**Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	**11/2021**

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

2. PEO2: Có kỹ năng chuyên môn thực hiện các hoạt động kinh doanh trong ngành dịch vụ du lịch, lữ hành như: nghiệp vụ hướng dẫn; thiết kế và điều hành tour. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo trong công việc;

3. PEO3: Có khả năng phân tích, tổng hợp, kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch nói chung và kinh doanh dịch vụ lữ hành nói riêng;

4. PEO4: Có khả năng vận dụng kiến thức của ngành Quản trị DVDL&LH trong những bối cảnh khác nhau;

5. PEO5: Có tinh thần làm việc trách nhiệm, chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp vì sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội và hội nhập quốc tế.

2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x				x
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x		
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x	x	
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x		
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x	x		x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Quản trị DVDL&LH, sinh viên có khả năng:

1. PLO1: Có lập trường chính trị, tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học ứng dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;

3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 ở ngoại ngữ chính theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

4. PLO4: Phân tích, đánh giá các chính sách trong kinh doanh du lịch của quốc gia, địa phương để dự báo xu hướng vận động, phát triển của ngành;

5. PLO5: Vận dụng được các kiến thức nền tảng của khoa học quản lý để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực QTDVDL&LH;

6. PLO6: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành về quản trị để thực hành nghề nghiệp;

7. PLO7: Phân tích, xử lý tình huống để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh du lịch và lữ hành;

8. PLO8: Tư vấn và thiết kế các chương trình tour phù hợp với nhu cầu thực tế;

9. PLO9: Đàm phán và xây dựng các hợp đồng chuyên môn;

10. PLO10: Trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp, tư duy phát triển bền vững và dựa vào cộng đồng.

3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x						x	x
2		x	x	x	x	x	x	x		
3				x	x	x	x	x		
4				x	x	x	x	x	x	
5			x					x	x	x

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành có thể làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp du lịch (cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, khu du lịch), hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, hoặc các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Vị trí có thể đảm trách sau khi tốt nghiệp có thể là:

1. Nhân viên của các bộ phận trong doanh nghiệp lữ hành (hướng dẫn viên, sales tour, điều hành tour, nhân viên kinh doanh,...);

2. Trợ lý các Giám đốc doanh nghiệp lữ hành/hãng vận chuyển/doanh nghiệp du lịch, trợ lý Giám đốc các bộ phận marketing, nhân sự, kinh doanh…;

3. Chuyên viên tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung trong doanh nghiệp lữ hành/doanh nghiệp du lịch;

4. Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại trong doanh nghiệp lữ hành/hãng vận chuyển/doanh nghiệp du lịch;

5. Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp);

6. Chuyên viên các phòng và trung tâm thuộc huyện (Phòng Văn hóa, Du lịch);

7. Giảng viên của các cơ sở đào tạo các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh du lịch, Du lịch.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào Trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Cấu trúc chương trình	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	**Giáo dục tổng quát**	**50**	**35,7**	**42**	**30,0**	**8**	**5,7**
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	24	17,1	18	12,9	6	4,3
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	3	2,1	3	2,1	0	0,0
3	Ngoại ngữ	12	8,6	12	8,6	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	7,9	9	6,4	2	1,4
II	**Giáo dục chuyên nghiệp**	**90**	**64,3**	**84**	**60,0**	**6**	**4,3**
1	Cơ sở ngành	36	25,7	30	21,4	6	4,3
2	Ngành	44	31,4	44	31,4	0	0,0
3	Tốt nghiệp	10	7,1	10	7,1	0	0,0
	Tổng cộng	**140**	**100**	**126**	**90,0**	**14**	**10,0**

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bổ từng Học kỳ							
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			**140**	**Bắt buộc**			**20**	**16**	**20**	**9**	**15**	**13**	**15**	**10**
				Tự chọn			*4**	*3**	*1**	*6**	-	-	-	-
I	**Giáo dục tổng quát**		**50**											
I.1	**Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật**		**24**											
Các HP bắt buộc			**18**				**5**	**4**	**7**	**2**				
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45			3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1		2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		2			2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3			2					
5	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		4				2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30			2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3					
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30				2						
Các HP tự chọn			*6*				*4**	*2**						
9	SSH380	Văn hóa Việt Nam	*2*	30			*2**							
10	SSH381	Thường thức mỹ thuật	*2*	30				*2**						
11	SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	*2*	30				*2**						
12	MKT372	Nhập môn Marketing	*2*	30				*2**						
13	EPM320	Con người và môi trường	*2*	30			*2**							
14	ENE334	Biến đổi khí hậu	*2*	30			*2**							
15	SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	*2*	30			*2**							
16	SSH317	Nhập môn hành chính nhà nước	*2*	30				*2**						
17	SSH316	Tâm lý học đại cương	*2*	30			*2**							
I.2	**Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường**		**3**											
Các HP bắt buộc			**3**					**3**						
18	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30			3						
I.3	**Ngoại ngữ**		**12**				**4**	**4**	**4**					
19		Ngoại ngữ B1.1	4	60			4							
20		Ngoại ngữ B1.2	4	60		19		4						
21		Ngoại ngữ khác	4	60					4					
I.4	**Thể chất và Quốc phòng – An ninh**		**11**											
Các HP bắt buộc			**9**				**1**							

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bổ từng Học kỳ							
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8
22	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45			8[1]							
23	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30										
24	QPAD033	Quân sự chung	1	15										
25	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20									
26	85065	Điền kinh	1	5	10		1							
Các HP tự chọn			*2*					*1**	*1**					
27	85097	Bóng đá	*1*	5	10			*1**	*1**					
28	85098	Bóng chuyền	*1*	5	10			*1**	*1**					
29	85105	Cầu lông	*1*	5	10			*1**	*1**					
30	85108	Taekwondo	*1*	5	10			*1**	*1**					
31	85066	Bơi lội	*1*	5	10			*1**	*1**					
32	851111	Aerobic	*1*	5	10			*1**	*1**					
II	**Giáo dục chuyên nghiệp**		**90**											
II.1	**Cơ sở ngành**		**36**											
Các HP bắt buộc			**30**				**10**	**5**	**9**		**3**	**3**		
33		Nhập môn ngành	1				1							
34		Kinh tế vi mô	3				3							
35		Đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp du lịch	3						3					
36		Marketing du lịch	3						3					
37		Kinh tế du lịch	3				3							
38		Đại cương Quản trị doanh nghiệp du lịch	3				3							
39		Địa lý du lịch	3					3						
40		Kỹ năng bổ trợ trong lữ hành	2					2						
41		Tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch	3						3					
42		Luật du lịch Việt Nam và quốc tế	3								3			
43		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3									3		
			6							*6**				
44		Hành vi tiêu dùng trong du lịch	*3*							*3**				

[1] Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bổ từng Học kỳ							
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8
45		Du lịch văn hóa	3							3*				
46		Du lịch sinh thái	3							3*				
47		Du lịch bền vững	3							3*				
48		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3							3*				
II.2 Ngành			**44**											
Các HP bắt buộc			**44**							**7**	**12**	**10**	**15**	
49		Nghiệp vụ hướng dẫn	3							3				
50		Thực hành Nghiệp vụ hướng dẫn và tuyến điểm du lịch	1							1				
51		Quản trị sự kiện và hội nghị	3								3			
52		Quản lý điểm đến	3										3	
53		Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	3								3			
54		Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3								3			
55		Các tuyến điểm du lịch	3							3				
56		Thiết kế và điều hành Tour du lịch	3									3		
57		Thực hành Thiết kế và điều hành tour du lịch	1									1		
58		Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	3										3	
59		Quản trị hãng vận chuyển	3									3		
60		Tiếng Anh chuyên ngành lữ hành	3									3		
61		Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3										3	
62		Khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh trong du lịch	3										3	
63		E_Tourism	3								3			
64		Nghệ thuật lãnh đạo	3										3	
II.3 Tốt nghiệp			**10**											**10**
		Khóa luận tốt nghiệp	10											10
Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp														
65		Chuyên đề tốt nghiệp 1	5											5
66		Chuyên đề tốt nghiệp 2	5											5

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "" là của HP tự chọn.*

7.2. Lưu đồ đào tạo

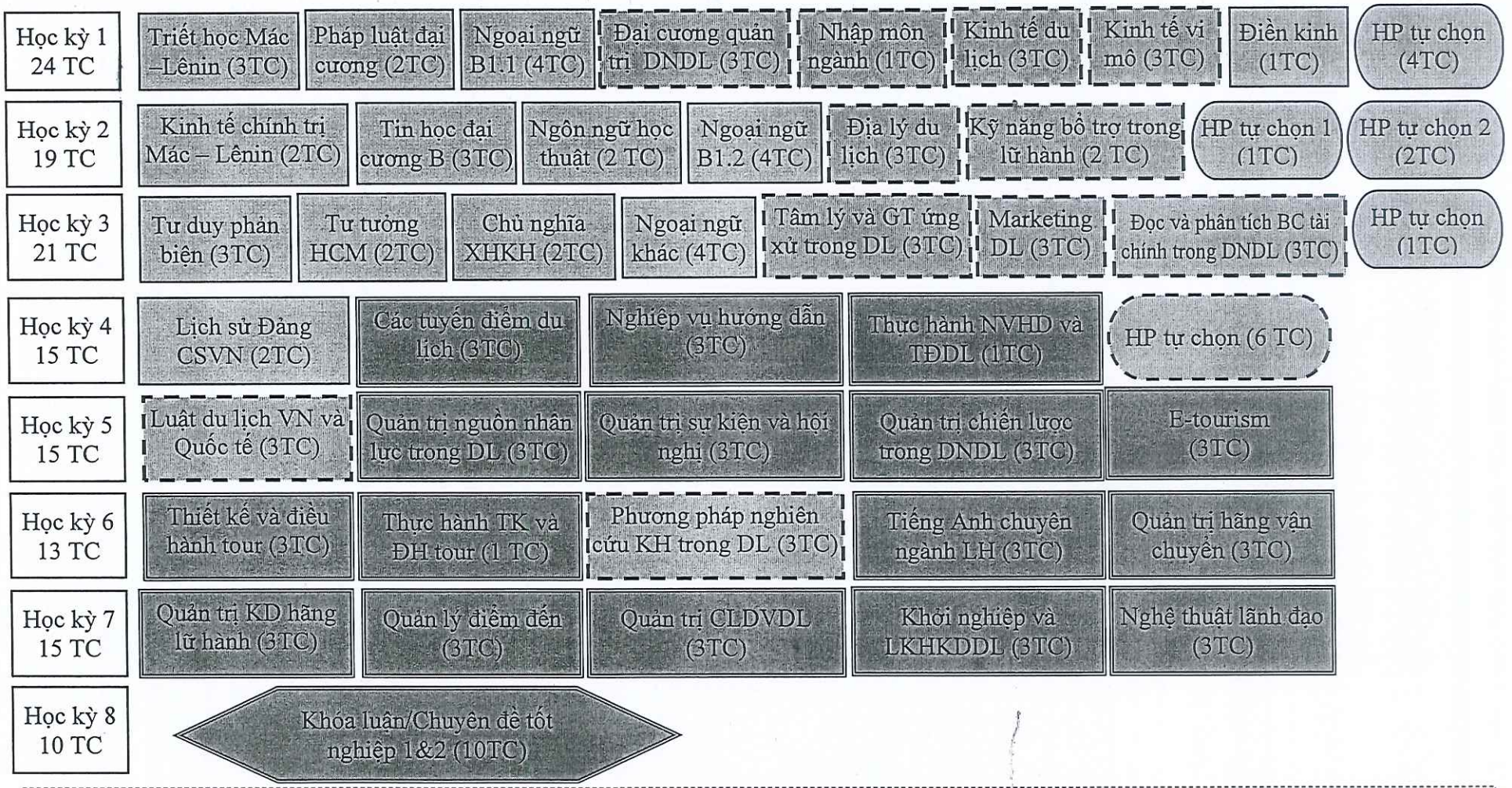

Ghi chú: (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

HP bắt buộc | HP tự chọn | T.tập/TN

(2) Chỉ thị màu/viền:

Khối KT chung | HP cơ sở ngành | Khối KT CN

7.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)										Tổng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	**Giáo dục tổng quát**												
I.1	**Xã hội, Nhân văn và NT**												
1	Triết học Mác – Lênin	3	M	I									1I+1M
2	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	M	I									1I+1M
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I									1I+1M
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I									1I+1M
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	2	M	I									1I+1M
6	Pháp luật đại cương	2	M	I									1I+1M
7	Tư duy phản biện	3		R	M								1R+1M
8	Ngôn ngữ học thuật	2		R	M								1R+1M
9	*Văn hóa Việt Nam*	*2*		*x*									*x*
10	*Thường thức mỹ thuật*	*2*		*x*									*x*
11	*Lịch sử văn minh thế giới*	*2*		*x*									*x*
12	*Nhập môn Marketing*	*2*		*x*		*x*							*x*
13	*Con người và môi trường*	*2*		*x*									*x*
14	*Biến đổi khí hậu*	*2*		*x*									*x*
15	*Kỹ thuật soạn thảo văn bản*	*2*		*x*	*x*								*x*
16	*Nhập môn hành chính NN*	*2*	*x*	*x*									*x*
17	*Tâm lý học đại cương*	*2*		*x*									*x*
I.2	**Toán, Tin học, TN, CN&MT**												
18	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			M								1M
I.3	**Ngoại ngữ**												
19	Ngoại ngữ B1.1	4		I	M								1I+1M
20	Ngoại ngữ B1.2	4		I	M								1I+1M
21	Ngoại ngữ khác	4			I								1I
I.4	**Giáo dục thể chất và QP-AN**												
22	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	M										1M
23	Công tác quốc phòng và AN	2											
24	Quân sự chung	1											
25	KT c.đấu bộ binh & chiến thuật	2											
26	Điền kinh	1	M										1M
27	*Bóng đá*	*1*											
28	*Bóng chuyền*	*1*											
29	*Cầu lông*	*1*											
30	*Taekwondo*	*1*											
31	*Bơi lội*	*1*											
32	*Aerobic*	*1*											
II	**Giáo dục chuyên nghiệp**												
II.1	**Cơ sở ngành**												
33	Nhập môn ngành	1		I		I	I						3I

34	Kinh tế vi mô	3		R		I	R						1I+2R
35	Đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp DL	3		R		R	I						1I+2R
36	Marketing du lịch	3		R		R	I						1I+2R
37	Kinh tế du lịch	3		R		R	I	I				R	2I+3R
38	Đại cương QTDN du lịch	3				R	R	I	I			R	2I+3R
39	Địa lý du lịch	3		R		R	I			I		R	2I+3R
40	Kỹ năng bổ trợ trong lữ hành	2				R			R	R		R	4R
41	Tâm lý và giao tiếp ứng xử trong du lịch	3		M		R		R	R			R	4R+1M
42	Luật du lịch VN và quốc tế	3	M	M							R	M	1R+3M
43	PP NCKH trong du lịch	3		I			R				M		1I+1R+1M
44	*Hành vi tiêu dùng trong du lịch*	*3*					*x*	*x*	*x*	*x*			*x*
45	*Du lịch văn hóa*	*3*		*x*			*x*					*x*	*x*
46	*Du lịch sinh thái*	*3*		*x*				*x*				*x*	*x*
47	*Du lịch bền vững*	*3*		*x*				*x*				*x*	*x*
48	*Thanh toán quốc tế trong DL*	*3*		*x*		*x*							*x*
II.2	**Ngành**												
49	Nghiệp vụ hướng dẫn	3				M		M	M	M		R	1R+4M
50	Thực hành Nghiệp vụ hướng dẫn và tuyến điểm du lịch	1				M		M	M	M		R	1R+4M
51	Quản trị sự kiện và hội nghị	3						R	R	R		R	4R
52	Quản lý điểm đến	3						R	R	R	R	R	5R
53	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch	3					M	M	R			R	2R+2M
54	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	3					M	M	R			R	2R+2M
55	Các tuyến điểm du lịch	3						M	M	M		R	1R+3M
56	Thiết kế và điều hành Tour DL	3						M	M	M		R	1R+3M
57	Thực hành Thiết kế và điều hành tour du lịch	1						M	M	M		M	4M
58	Quản trị KD hãng lữ hành	3						M	M	M	R	M	1R+4M
59	Quản trị hãng vận chuyển	3						M	M	M	R	M	1R+4M
60	TA chuyên ngành lữ hành	3			M				R		R		2R+1M
61	Quản trị chất lượng dịch vụ DL	3					R		R		R	R	4R
62	Khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh trong du lịch	3					R	R	R		R	R	5R
63	E-Tourism	3					R		R			R	3R
64	Nghệ thuật lãnh đạo	3					R		R		R	R	4R
II.3	**Tốt nghiệp**	**10**		M	M	M	M	M	M	M	M	M	9M
	Tổng		**9M**	**10I+ 7R+ 3M**	**1I+ 7M**	**2I+ 7R+ 3M**	**5I+ 7R+ 3M**	**2I+ 4R+ 10M**	**1I+ 11R +8M**	**1I+ 3R+ 8M**	**8R+ 2M**	**17R +5M**	
	Chuẩn đầu ra		**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	

7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

Trong 4 năm học, sinh viên sẽ đi tour thực tế (chi phí tự túc) như sau: Tour 3 ngày 2 đêm; Tour Miền Trung 7 ngày 6 đêm; Tour Miền Tây 7 ngày 6 đêm; Tour Miền Bắc 10 ngày 9 đêm. Chương trình tour sẽ được thay đổi linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ quan, tổ chức liên quan đến nghề nghiệp ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác nước uống, căn tin, y tế.
- Đối với sinh viên thực hiện NCKH được đánh giá xếp loại Giỏi, điểm tích lũy chung đạt loại Giỏi trở lên sẽ được ghi nhận tương đương điểm khóa luận tốt nghiệp mà không cần thực hiện việc bảo vệ trước hội đồng.

TRƯỞNG KHOA/VIỆN	BAN CHỦ NHIỆM CTĐT
Lê Chí Công	Ninh Thị Kim Anh
HIỆU TRƯỞNG	**HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG	
Trang Sĩ Trung	Quốc Hoài Nam